



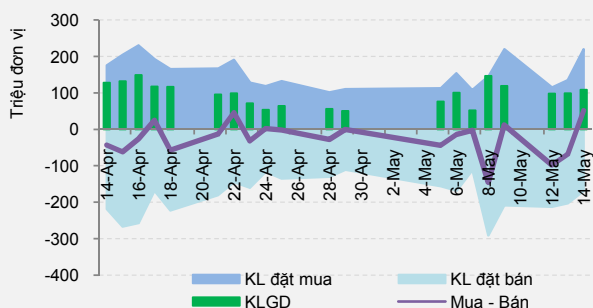
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 14/5/2014

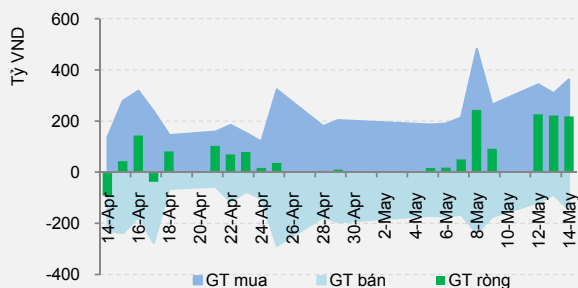
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	529.5	71.9
% Thay đổi	↑ 3.0%	↑ 3.6%
KLGD (CP)	108,324,190	54,582,305
GTGD (tỷ đồng)	1,468.06	424.87
Tổng cung (CP)	168,041,850	70,715,300
Tổng cầu (CP)	219,738,750	92,169,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,209,350	211,372
KL mua (CP)	14,903,430	2,788,400
GTmua (tỷ đồng)	362.63	34.73
GT bán (tỷ đồng)	144.55	3.14
GT ròng (tỷ đồng)	218.09	31.58

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 5.41%	7.7	1.6	2.8%
Công nghiệp	↑ 3.57%	23.1	1.1	18.3%
Dầu khí	↑ 5.17%	6.5	1.8	4.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 2.14%	18.1	1.9	2.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.86%	10.9	2.7	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.85%	13.2	4.2	11.7%
Ngân hàng	↑ 4.44%	8.6	1.1	7.1%
Nguyên vật liệu	↑ 3.85%	11.1	2.1	10.7%
Tài chính	↑ 4.92%	11.2	2.2	36.3%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.90%	12.8	4.6	6.0%
VN - Index	↑ 3.04%	12.8	2.9	77.6%
HNX - Index	↑ 3.57%	15.7	1.5	22.4%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,819,430	1.7%	327,070	0.3%
GTGD (tỷ VND)	34,800	2.4%	8,751	0.6%

THỊ TRƯỜNG TĂNG ĐIỂM KỸ THUẬT - ĐA SỐ CỔ PHIẾU TĂNG GIÁ TRẦN

Nhận định: Tiếp nối diễn biến tích cực tại nhóm cổ phiếu Bluechips từ phiên giao dịch trước, lực cầu bắt đáy tiếp tục tăng mạnh trong phiên hôm nay và diễn ra phổ biến toàn thị trường. Độ rộng thị trường tích cực, lượng cổ phiếu tăng trần chiếm đa số. Thị trường đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên với KLGD tăng so với phiên trước.

Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đã bật tăng trở lại khi tiến gần ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 500 điểm, mốc hỗ trợ được đánh giá là mạnh khi chỉ số đã có 3 tháng tích lũy quanh mức điểm này vào quý cuối năm 2013. Chỉ số HNX-Index cũng tăng điểm trở lại, phản ứng với mốc hỗ trợ của đường MA200 và bật lên trên đường hỗ trợ này. Diễn biến thị trường tăng điểm mạnh dần cho đến cuối phiên với khối lượng khớp lệnh cao cho tín hiệu tích cực. **Thị trường có thể tiếp tục tăng điểm với ngưỡng cản kỹ thuật của VN-Index là khoảng +/-550 điểm, HNX-Index là khoảng +/-74 điểm. Tâm lý giao dịch ngắn hạn dự báo vẫn ở mức cao, khi vấn đề Biển Đông chưa được giải quyết và thị trường chưa xuất hiện xu hướng tích lũy tin cậy.**

Chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư ngắn hạn duy trì trạng thái, chưa tham gia thị trường trong thời điểm hiện tại. Việc mua vào cổ phiếu sẵn có trong tài khoản, tận dụng lợi thế ngày T có thể thực hiện, tuy nhiên không mua đuổi cổ phiếu.

- Chỉ số VN-Index tăng mạnh 15.62 điểm (3.04%), lên 529.53 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 509.82 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 2.48 điểm (3.58%), lên 71.87 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 69.02 điểm.

- Giá vàng trong nước ngày hôm nay 14/5 đột ngột tăng mạnh, lên mức cao nhất trong vòng 2 tháng trở lại đây. Cụ thể lúc 15h00, giá vàng SJC của công ty VBDQ Sài Gòn niêm yết tại 36,2 – 36,45 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra). So với cuối ngày hôm qua, giá vàng hiện đang cao hơn 510 nghìn đồng mua vào và gần 800 nghìn đồng/lượng bán ra.

- Diễn biến của vàng trong nước hôm nay khá trái ngược với thị trường thế giới, khi mà vàng thế giới chỉ tăng nhẹ, lúc này đang ở quanh 1.300 USD/ounce, tương đương 33,1 triệu đồng/lượng, tăng hơn 4 USD so với phiên hôm qua. Sự biến động trái chiều khiến cho khoảng cách giữa vàng trong nước và thế giới lại nới rộng lên 3,5 triệu đồng mỗi lượng, từ mức chưa đến 2,8 triệu đồng trong ngày hôm qua.

- Ngày 12/5/2014, Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp năm 2014. Theo đó, Chính phủ sẽ nỗ lực tối đa để tăng tổng cầu, thúc đẩy tăng trưởng thông qua đầu tư công, tăng tín dụng, tạo thị trường, sức mua cho doanh nghiệp. Cụ thể, các Bộ, ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; ổn định kinh tế vĩ mô, hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2014 5,8%. Về khả năng tiếp cận nguồn vốn, Chính phủ yêu cầu NHNN chỉ đạo, hướng dẫn các NHTM tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, bảo đảm chất lượng tín dụng, cơ cấu lại các khoản vay với lãi suất cao, phát triển nguồn vốn thông qua TTCK để doanh nghiệp huy động được các nguồn vốn trung, dài hạn cho đầu tư phát triển.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Giảm

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng mạnh 15.62 điểm (3.04%), lên 529.53 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 509.82 điểm.

- KLGD tăng 15% so với phiên giao dịch trước, lên 106 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 đi ngang ở mức 37 điểm, tâm lý nhà đầu tư tích cực hơn. MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Tiếp nối diễn biến tích cực tại nhóm cổ phiếu Bluechips từ phiên giao dịch trước, lực cầu bắt đáy tiếp tục tăng mạnh trong phiên hôm nay và diễn ra phổ biến toàn thị trường. Độ rộng thị trường tích cực, lượng cổ phiếu tăng trần chiếm đa số. Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên với KLGD tăng so với phiên trước.

Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đã bật tăng trở lại khi tiến gần ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 500 điểm, mốc hỗ trợ được đánh giá là mạnh khi chỉ số đã có 3 tháng tích lũy quanh mức điểm này vào quý cuối năm 2013. Diễn biến thị trường tăng điểm mạnh dần cho đến cuối phiên với khối lượng khớp lệnh tăng cho tín hiệu tích cực. Thị trường dự kiến tiếp tục tăng điểm trong phiên ngày mai với ngưỡng cản kỹ thuật là khoảng +/-550 điểm. Tâm lý giao dịch ngắn hạn dự báo vẫn ở mức cao, khi vấn đề Biển Đông chưa được giải quyết.

Chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư ngắn hạn duy trì trạng thái, chưa tham gia thị trường trong thời điểm hiện tại. Việc mua vào cổ phiếu sẵn có trong tài khoản, tận dụng lợi thế ngày T có thể thực hiện, tuy nhiên không mua đuổi cổ phiếu.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Giảm

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 2.48 điểm (3.58%), lên 71.87 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 69.02 điểm.

- KLGD giảm 7% so với phiên trước, xuống 54 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 33, thoát khỏi ngưỡng quá bán. MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, cho chỉ báo về xu hướng giảm.

Nhận định: Tiếp nối diễn biến tích cực tại nhóm cổ phiếu Bluechips từ phiên giao dịch trước, lực cầu bắt đáy tiếp tục tăng mạnh trong phiên hôm nay và diễn ra phổ biến toàn thị trường. Độ rộng thị trường tích cực, lượng cổ phiếu tăng trần chiếm đa số. Chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên với KLGD duy trì ở mức cao.

Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số HNX-Index đã tăng trở lại, phản ứng với mốc hỗ trợ của đường MA200 và bật lên trên đường hỗ trợ này. Diễn biến thị trường tăng điểm mạnh dần cho đến cuối phiên với khối lượng khớp lệnh cao cho tín hiệu tích cực. Thị trường dự kiến tiếp tục tăng điểm trong phiên ngày mai với ngưỡng cản kỹ thuật là khoảng +/-74 điểm. Tâm lý giao dịch ngắn hạn dự báo vẫn ở mức cao, khi vấn đề Biển Đông chưa được giải quyết.

Chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư ngắn hạn duy trì trạng thái, chưa tham gia thị trường trong thời điểm hiện tại. Việc mua vào cổ phiếu sẵn có trong tài khoản, tận dụng lợi thế ngày T có thể thực hiện, tuy nhiên không mua đuổi cổ phiếu.

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q1.2014 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	7,678.2	15.0%	1387.38	-9.4%	7,839	21,039	16.97	6.32	39.55	49.00
2	HPG	HOSE	6,515.5	65.6%	870.36	90.5%	4,913	21,393	9.75	2.24	24.96	44.33
3	DPM	HOSE	2,502.4	-13.2%	381.31	-45.9%	5,644	24,595	5.94	1.36	23.41	24.07
4	PVS	HNX	5,713.1	19.2%	266.33	1.5%	3,403	19,100	7.35	1.31	19.28	23.79
5	LAS	HNX	1,825.2	-2.5%	150.32	1.1%	5,767	18,602	6.83	2.12	33.45	12.61
6	HCM	HOSE	226.5	50.8%	120.32	91.4%	2,688	18,443	10.94	1.59	15.36	49.00
7	CII	HOSE	203.5	167.8%	93.5	189.8%	1,270	14,071	20.56	1.85	9.01	38.56
8	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	11.18	0.75	7.13	6.09
9	DRC	HOSE	678.0	11.5%	85.75	9.7%	4,609	17,641	9.31	2.43	28.77	28.61
10	CSM	HOSE	684.3	-2.5%	78.52	14.4%	5,506	19,274	6.94	1.98	31.24	14.02

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	LAF	HOSE	94.3	-3.0%	1.59	1490.0%	2,412	7,924	3.90	1.19	33.22	11.62
2	NAG	HNX	62.7	103.7%	4	1479.3%	358	9,498	18.18	0.68	3.83	0.79
3	POT	HNX	80.1	105.8%	0.83	937.5%	476	15,406	22.07	0.68	3.14	0.25
4	SHS	HNX	72.6	149.1%	72.4	732.2%	754	8,594	11.40	1.00	9.38	4.45
5	ITQ	HNX	119.8	79.5%	3.35	532.1%	547	10,919	17.72	0.89	5.15	0.01
6	VIG	HNX	6.1	93.3%	2.42	450.0%	248	6,630	16.90	0.63	3.83	12.87
7	APS	HNX	12.0	110.4%	7.19	432.6%	435	8,808	12.89	0.64	5.07	16.81
8	AGR	HOSE	81.0	-35.0%	58.06	408.0%	314	10,813	20.35	0.59	2.96	0.25
9	HDO	HNX	27.6	-10.1%	0.1	400.0%	(1,952)	9,734	(2.05)	0.41	(19.91)	15.55
10	BSI	HOSE	72.0	87.7%	10.25	325.3%	265	8,124	21.47	0.70	3.32	0.56

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG DOANH THU Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	ICG	HNX	37.8	9122.0%	3.52	314.6%	376	12,542	21.02	0.63	3.07	16.36
2	PXL	HOSE	2.3	3766.7%	0.04	-33.3%	(105)	10,183	(36.18)	0.37	(1.04)	0.13
3	BGM	HOSE	4.0	3554.5%	0.02	103.5%	34	10,193	125.58	0.42	0.33	0.63
4	KHL	HNX	4.5	3114.3%	0.56	251.4%	179	9,981	20.63	0.37	1.77	2.96
5	SHN	HNX	1.0	257.1%	-1.44	46.7%	91	3,008	41.90	1.26	4.74	0.15
6	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	11.18	0.75	7.13	6.09
7	PV2	HNX	0.3	222.2%	-1.38	27.7%	(3,596)	6,647	(0.86)	0.47	(45.13)	0.01
8	PXS	HOSE	357.2	188.6%	20.8	310.3%	2,090	12,854	8.99	1.46	16.06	11.30
9	SBA	HOSE	46.2	174.1%	8.43	286.7%	1,300	11,431	7.46	0.85	11.93	0.16
10	CII	HOSE	203.5	167.8%	93.5	189.8%	1,270	14,071	20.56	1.85	9.01	38.56

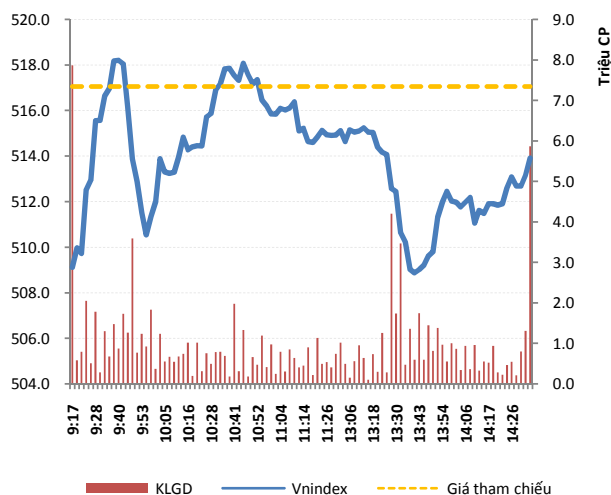
Ghi chú: Chỉ liệt kê các cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên gần nhất > 50.000 cổ phiếu.

Các chỉ số EPS, ROE tính theo 4 quý gần nhất. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 05/05/2014

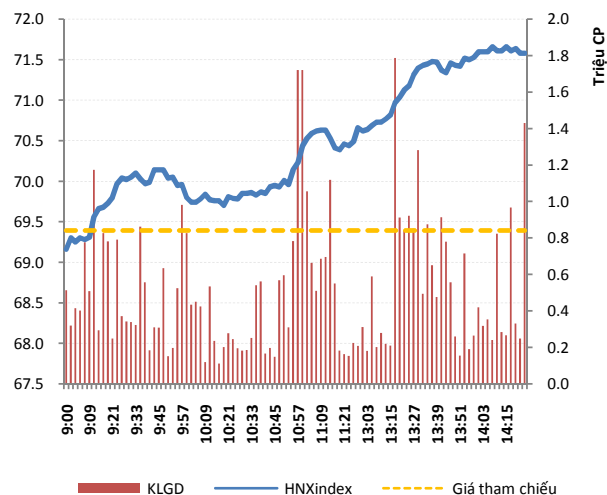


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

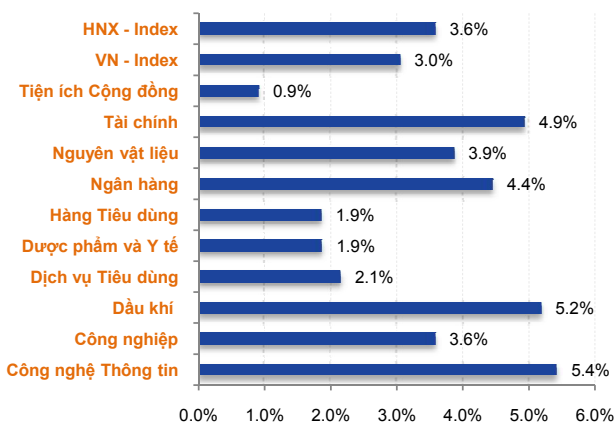
KLGD và VN-Index trong phiên



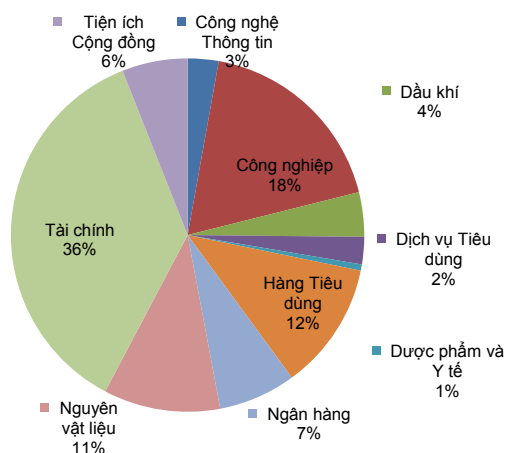
KLGD và HNX-Index trong phiên



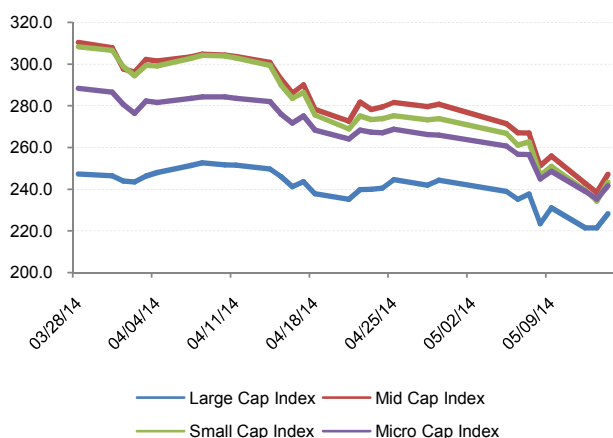
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



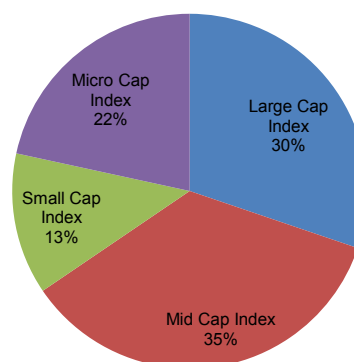
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	2,790,640	AVF	700,000
2	HAG	952,480	LCG	100,000
3	VCB	917,070	HBC	49,990
4	OGC	765,930	BCI	34,000
5	VSH	651,810	FCN	27,560

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	834,900	KKC	38,100
2	KLS	803,200	EBS	30,000
3	SHB	319,100	PVI	25,152
4	PVS	233,500	VNC	21,420
5	VCG	178,400	ARM	18,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	7.5	8.0	↑ 6.67%	12,069,710
ITA	6.7	7.1	↑ 5.97%	6,946,070
CII	18.4	17.2	↓ -6.52%	4,217,210
HQC	5.1	5.4	↑ 5.88%	4,071,140
HAG	21.9	23.4	↑ 6.85%	3,909,650

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	8.2	8.5	↑ 3.66%	6,112,900
PVX	4.2	4.6	↑ 9.52%	5,612,100
SCR	6.7	7.3	↑ 8.96%	4,211,200
KLS	8.2	9.0	↑ 9.76%	4,049,500
KLF	8.7	9.5	↑ 9.20%	3,181,000

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
BHS	10.0	10.7	0.7	↑ 7.00%
TDC	10.0	10.7	0.7	↑ 7.00%
VCB	24.3	26.0	1.7	↑ 7.00%
DCL	25.9	27.7	1.8	↑ 6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	48.5	97.0	48.5	↑ 100.00%
VGS	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
KSD	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
VE1	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
PSD	34.0	37.4	3.4	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ALP	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
TTP	24.6	22.9	-1.7	↓ -6.91%
SVT	7.3	6.8	-0.5	↓ -6.85%
C47	20.9	19.5	-1.4	↓ -6.70%
CII	18.4	17.2	-1.2	↓ -6.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
AMC	24.2	21.8	-2.4	↓ -9.92%
PPE	5.1	4.6	-0.5	↓ -9.80%
VBC	35.8	32.3	-3.5	↓ -9.78%
SJ1	18.5	16.7	-1.8	↓ -9.73%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	12,069,710	9.4%	1,503	5.3	0.7
ITA	6,946,070	1.3%	138	51.5	0.6
CII	4,217,210	9.0%	1,270	13.5	1.2
HQC	4,071,140	3.0%	320	16.9	0.5
HAG	3,909,650	7.5%	1,287	18.2	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	6,112,900	8.6%	958	8.9	0.7
PVX	5,612,100	-82.6%	(4,057)	-	1.7
SCR	4,211,200	0.4%	53	137.7	0.5
KLS	4,049,500	7.1%	948	9.5	0.6
KLF	3,181,000	12.2%	1,141	8.3	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 12.5%	0.0%	(10,121)	(0.1)	-
BHS	↑ 7.0%	5.5%	793	13.5	0.8
TDC	↑ 7.0%	12.0%	1,450	7.4	0.9
VCB	↑ 7.0%	10.4%	1,881	13.8	1.4
DCL	↑ 6.9%	15.5%	4,371	6.3	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGH	↑ 100.0%	7.1%	916	8.9	7.6
VGS	↑ 10.0%	2.6%	350	15.7	0.4
KSD	↑ 10.0%	1.6%	105	31.6	0.5
VE1	↑ 10.0%	4.2%	317	10.4	0.4
PSD	↑ 10.0%	27.5%	4,726	7.9	2.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	2,790,640	1.3%	138	51.5	0.6
HAG	952,480	7.5%	1,287	18.2	1.3
VCB	917,070	10.4%	1,881	13.8	1.4
OGC	765,930	1.7%	185	52.0	0.9
VSH	651,810	7.8%	972	15.0	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	834,900	11.8%	1,450	9.7	1.1
KLS	803,200	7.1%	948	9.5	0.6
SHB	319,100	8.6%	958	8.9	0.7
PVS	233,500	19.3%	3,403	7.3	1.3
VCG	178,400	9.1%	1,123	9.2	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	171,498	40.6%	6,484	14.0	5.1
VNM	103,347	36.4%	7,667	16.2	5.5
MSN	66,509	3.2%	642	141.0	4.6
VCB	60,253	10.4%	1,881	13.8	1.4
VIC	58,615	54.2%	7,404	8.7	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	13,920	6.1%	839	18.2	1.1
PVS	11,123	19.3%	3,403	7.3	1.3
SQC	8,602	-2.4%	(295)	-	6.5
SHB	7,532	8.6%	958	8.9	0.7
OCH	5,000	7.6%	870	28.7	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HBC	2.53	4.1%	841	17.5	0.7
VHG	2.38	20.9%	2,213	2.8	0.5
PPI	2.36	1.3%	238	36.9	0.5
DLG	2.36	0.3%	31	206.8	0.6
CII	2.34	9.0%	1,270	13.5	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
S12	3.56	0.2%	29	153.1	0.3
NVC	3.45	0.0%	(12,265)	-	-
SVN	3.42	-4.3%	(438)	-	0.5
GGG	3.26	0.0%	(7,751)	-	-
PVA	3.21	-40.5%	(1,619)	-	0.7



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)